

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với cán bộ không
chuyên trách và chế độ lương đối với cán bộ nghỉ hưu tham gia
công tác, giữ các chức danh chuyên trách ở phường-xã, thị trấn.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;
- Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh ;
- Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn ;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/2004/NQ-HĐ ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII tại kỳ họp lần thứ 3 thông qua về nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 2005 ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 400/TTr-SNV ngày 24 tháng 12 năm 2004 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách và chế độ lương đối với cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác, giữ các chức danh chuyên trách ở phường-xã, thị trấn, như sau:

1. Về số lượng và chức danh cán bộ không chuyên trách ở phường-xã, thị trấn :

1.1- Quy định chung đối với phường-xã, thị trấn :

1.1.1- Về chức danh : Bố trí đủ 19 chức danh, theo danh mục đính kèm.

1.1.2- Về số lượng : Số cán bộ không chuyên trách ở mỗi phường-xã, thị trấn có từ 19 đến 23 người ; trong đó mỗi chức danh cán bộ không chuyên trách ở phường-xã, thị trấn bố trí 01 cán bộ phụ trách ; riêng các chức danh sau :

a) Phó Trưởng Công an bán chính quy : Bố trí từ 01 đến 02 cán bộ (theo Quyết định số 12/2004/QĐ-UB ngày 03 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức bộ máy và chính sách, chế độ đối với Công an xã) ;

b) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự : Bố trí 02 cán bộ và có 01 cán bộ phụ trách công tác Thống kê Quân sự ;

c) Cán bộ phụ trách Lao động-Thương binh và Xã hội : Bố trí 02 cán bộ, trong đó có 01 cán bộ phụ trách quản lý người sau cai nghiện và phòng, chống HIV/AIDS.

1.2- Đối với phường, thị trấn trên 30.000 dân và xã trên 20.000 dân :

Ngoài số lượng cán bộ không chuyên trách nêu tại điểm 1.1, đối với phường, thị trấn có quy mô trên 30.000 dân, cứ thêm 3.000 dân thì được bố trí thêm 01 cán bộ không chuyên trách và đối với xã có quy mô trên 20.000 dân, cứ thêm 2.000 dân thì được bố trí thêm 01 cán bộ không chuyên trách. Chức danh cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện quyết định, trên cơ sở tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

2. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ không chuyên trách ở phường-xã, thị trấn :

2.1- Tiếp tục áp dụng mức phụ cấp tương đương với hệ số 1,46 (là hệ số bậc 1, ngạch cán sự) so với mức lương tối thiểu.

2.2- Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (trừ cán bộ nghỉ hưu) thông qua việc ký hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động).

2.3- Mức phụ cấp đối với Phó Trưởng Công an (bán chính quy) và Công an viên : Thực hiện theo Quyết định số 12/2004/QĐ-UB ngày 03 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức bộ máy và chính sách, chế độ đối với Công an xã. Phó Trưởng Công an xã được tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế thông qua việc ký hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động).

3. Về mức phụ cấp cho khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân :

3.1- Mỗi khu phố, ấp được phụ cấp 1.500.000 đồng/tháng (trong đó có phụ cấp cho các chức danh Trưởng khu phố - ấp, Bí thư Chi bộ khu phố - ấp hoặc Đảng ủy bộ phận).

3.2- Tăng mức phụ cấp cho tổ dân phố, tổ nhân dân từ 100.000 đồng lên 200.000 đồng/tổ/tháng.

4. Đối với cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác, giữ các chức danh chuyên trách được hưởng 94% mức lương theo chức danh quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ (100% trừ 5% bảo hiểm xã hội và 1% bảo hiểm y tế cá nhân không phải đóng).

Điều 2. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh nêu tại Điều 1 được chi từ ngân sách thành phố và thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 4
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố
- Ủy ban nhân dân thành phố
- Văn phòng Thành ủy
- Ban Tổ chức Thành ủy
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố
- Các Đoàn thể thành phố
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố
- Bảo hiểm xã hội thành phố
- Công an thành phố
- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố
- Sở-Ngành thành phố
- Quận-Huyện ủy, Ủy ban nhân dân quận-huyện
- VPHĐ-UB : Các PVP, các Tổ NCTH
- Lưu (VX/Nh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

PHỤ LỤC

**Chức danh cán bộ không chuyên trách ở phường-xã, thị trấn
và cán bộ không chuyên trách ở khu phố (ấp), tổ dân phố (tổ nhân dân).**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 339 /2004/QĐ-UB
ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I.- Cán bộ không chuyên trách ở phường-xã, thị trấn :

1. Trưởng Ban Tổ chức Đảng ;
2. Trưởng Ban Tuyên giáo ;
3. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ;
4. Cán bộ Văn phòng Đảng ủy ;
5. Phó Trưởng Công an (bán chính quy) ;
6. Phó Chỉ huy trưởng Quân sự ;
7. Cán bộ Kế hoạch-Giao thông-Thủy lợi-Nông, Lâm, Ngư, Diêm
nghiệp;
8. Cán bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ;
9. Cán bộ Dân số-Gia đình và Trẻ em ;
10. Thủ quỹ-Văn thư-Lưu trữ ;
11. Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh ;
12. Cán bộ Quản lý Nhà văn hóa ;
13. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ;
14. Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ;
15. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ ;
16. Phó Chủ tịch Hội Nông dân ;
17. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh ;
18. Chủ tịch Hội Người Cao tuổi ;
19. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

II.- Cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân :

1. Bí thư Chi bộ khu phố, ấp ;
2. Trưởng khu phố, ấp ;
3. Tổ trưởng Tổ dân phố, tổ nhân dân ;
4. Công an viên./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ